

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 678/2024/HC-PT

Ngày 27/12/2024

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Thân T;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự H;

Ông Nguyễn Mạnh T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy K, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Vi Thị Tuyết M, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 432/2024/TBTL-HC ngày 20 tháng 09 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 256/2021/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14118/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1949. Có mặt.

Trú tại: Số H, Hoàng Tăng B, tổ A, T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975. Địa chỉ: S, B, số I, phố Đ, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Doãn Thị T, Luật sư thuộc Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: S, B, số I, phố Đ, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch UBND thành phố H.

Địa chỉ: Số G, phố Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Sỹ T1 – chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố H.

Ông Chu Đức T2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố H. (Văn bản ủy quyền: Giấy ủy quyền số 318/GUQ-UBND ngày 07/10/2024 về việc tham gia tố tụng). Xin xét xử vắng mặt.

2.2 Ủy ban nhân dân quận B. Vắng mặt.

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lưu Ngọc H1 là người đại diện theo pháp luật của UBND quận B (Chức vụ: Chủ tịch UBND quận B). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân phường X.

Địa chỉ: Số D, phố X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Trung T3 là người đại diện theo pháp luật của UBND phường X (Chức vụ: Chủ tịch UBND phường X). Vắng mặt.

3.2 Anh Bùi Ngọc H2, sinh năm 1978. Vắng mặt.

3.3 Anh Bùi Thế N, sinh năm 1982. Vắng mặt.

3.4 Anh Bùi Chí T4, sinh năm 2010. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Số H, H, tổ A, T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Ngày 14/2/2010, Bộ G ban hành Quyết định số 103/QĐ-BGTVT về việc phê Duyệt dự án đầu tư mở rộng đường V, đoạn M - N, TP Hà Nội.

Ngày 12/5/2016, UBND thành phố H ban hành Văn bản số 2689/UBND-ĐT về việc triển khai Dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai III (đoạn M - cầu T).

Thực hiện Quyết định số 103/QĐ-BGTVT ngày 14/2/2010 của Bộ G và Văn

bản số 2689/UBND-ĐT ngày 12/5/2010 của UBND thành phố H, UBND quận B đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Q và thành lập tổ công tác dự án, đồng thời giao và chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện công tác thu hồi đất và công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 06/01/2018, UBND phường X có Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với ông Bùi Ngọc H thể hiện như sau:

Hồ sơ, giấy tờ liên quan đến sử dụng đất: Diện tích đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 1 có diện tích 737m², tờ bản đồ số 42, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X (nay là phường X) không thể hiện công trình xây dựng trên đất; Sổ mục kê lập năm 1994 (*lập theo bản đồ 1994*) thể hiện chủ sử dụng đất: “Ki ốt”. Diện tích đất thu hồi đã có Kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Thông báo số 246/TB-UBND ngày 31/8/2011 và Kết luận số 09/KL-UBND ngày 29/6/2016 của UBND thành phố H và Kết luận số 386/KL-UBND ngày 27/11/2014 của quận B.

Hồ sơ, tài liệu và giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp gồm: Hợp đồng thuê kiot khu chợ mới số 24 CV/UB giữa UBND xã X với ông Bùi Ngọc H thể hiện thời gian hợp đồng 5 năm, kể từ ngày 10/11/1990 đến hết ngày 10/11/1995, diện tích kiot phía mặt đường cao tốc là 12m²; Biên bản thanh lý Hợp đồng thuê đất ngày 29/9/1990 giữa UBND xã X với ông Bùi Ngọc H, thanh lý Hợp đồng thuê 5 năm diện tích 12m²; Đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất thuê (sau khi đã thanh lý hợp đồng), diện tích 24m². Mặt khác, trên diện tích đất hợp đồng ông H đã xây dựng cửa hàng bằng nhà cấp 4 với diện tích là 32m² và được UBND xã X đồng ý để ông Bùi Ngọc H sử dụng tiếp Ki ốt; Đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất lưu không ngày 05/5/2000 đứng tên ông Bùi Ngọc H, đã xây dựng nhà cấp 4 diện tích 32m² và được UBND xã X đồng ý để ông H tạm thời quản lý sử dụng tiếp diện tích đất theo nội dung đơn; Biên lai thu tiền do ông H nộp tiền sinh lợi đất lưu không diện tích 32m², thời hạn 2 năm (2000-2001); Giấy biên nhận ông Nguyễn Viết D đã thuê Ki ốt số 24 phía sau diện tích 12m² nhượng lại cho ông Bùi Ngọc H ngày 20/5/1991.

UBND phường X đã xác nhận trong tổng diện tích 40,9 m² đất thu hồi tại dự án có:

- 12m² đất thu hồi thể hiện trên Biên bản thanh lý Hợp đồng thuê đất lập ngày 29/9/1990 giữa UBND xã X với ông Bùi Ngọc H. Người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ năm 1990 đến nay.

- 20m² đất thu hồi thể hiện trên Đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất lưu không của ông Bùi Ngọc H. Người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 15/10/1993 đến nay.

- 16,9m² đất thu hồi thể hiện trên các giấy tờ ông Bùi Ngọc H cung cấp. Người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 01/7/2004 đến nay.

Ngày 27/7/2018, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3688/QĐ-UBND thu hồi 48,9m² đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND xã X (nay là phường X) quản lý; Ông Bùi Ngọc H sử dụng để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) trên địa bàn quận B.

Ngày 27/7/2018, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3749/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất do ông Bùi Ngọc H sử dụng như sau:

Phương án hỗ trợ đất như sau: $12\text{m}^2 \times 16.999.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 61.196.400\text{ đồng}$; $20\text{m}^2 \times 16.999.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 20\% = 67.996.000\text{ đồng}$; 16,9m² đất không tính hỗ trợ.

Hỗ trợ công trình xây dựng trên đất: Do công trình xây dựng của ông Bùi Ngọc H được tạo lập trên diện tích đất đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật đất đai nên diện tích các công trình xây dựng gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất đã được UBND quận B phê duyệt hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng công trình mới theo cùng chủng loại.

Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Theo Giấy xác nhận ngày 20/10/2016 của Công an phường X đối với ông Bùi Ngọc H cho thấy: Tại địa chỉ thu hồi đất ông Bùi Ngọc H và gia đình không trực tiếp sinh sống; ông Bùi Ngọc H là thương binh hạng 4. Do vậy, ông Bùi Ngọc H và gia đình không đủ điều kiện xét hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H. UBND quận B đã phê duyệt hỗ trợ gia đình chính sách, người có công đối với ông Bùi Ngọc H theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

Về tái định cư: Ông Bùi Ngọc H không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, không trực tiếp sinh sống tại nơi thu hồi đất và có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường X nên UBND quận B không phê duyệt phương án bán căn hộ chung cư nhà tái định cư.

Ngày 31/01/2019, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 515/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Bùi Ngọc H do không chấp hành Quyết định số 3688/QĐ-UBND và Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) tại phường X, quận B.

Ông Bùi Ngọc H khiếu nại lên Chủ tịch UBND quận B đối với Quyết định số 3688/QĐ-UBND và Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 14/02/2019, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 607/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại như sau:

Điều chỉnh Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất đối với ông Bùi Ngọc H tại dự án Mở rộng đường V (đoạn M - Cầu T) trên địa bàn quận B theo hướng: 24m² đất (*là diện tích đất của 02 kiốt*) có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND Phường X quản lý; Người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh trước 15/10/1993 đến nay; 8m² đất (*thể hiện trên đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất lưu không*) có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND Phường X quản lý; Người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh sau 15/10/1993 đến nay; 16,9 m² đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND Phường X quản lý, người sử dụng đất đã tự sử dụng ra phần đất nằm giữa dãy kiốt với tường rào do Công ty TNHH S xây và ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 01/7/2004 đến nay.

Điều chỉnh Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Bùi Ngọc H để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (*đoạn M - Cầu T*) trên địa bàn quận B theo hướng: Tính hỗ trợ 24,0m² đất sử dụng trước 15/10/1993 bằng 30% giá đất sản xuất kinh doanh, 8,0 m² đất sử dụng sau 15/10/1993 bằng 20% giá đất sản xuất kinh doanh vị trí 1 đường Phạm Văn Đồng quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố H và không tính hỗ trợ 16,9m² đất đã tự sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Tính điều chỉnh hỗ trợ gia đình chính sách, người có công theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

Ông Bùi Ngọc H không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B tại Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 và tiếp tục có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngày 13/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4309/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (*lần hai*) theo hướng: Đồng ý và giữ nguyên Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Chủ tịch UBND quận B.

UBND quận B chưa lập phương án điều chỉnh, bổ sung theo nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B tại Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 đối với ông Bùi Ngọc H.

Quan điểm của người khởi kiện: Ngày 03/01/2020, ông Bùi Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ một phần các Quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 3688/QĐ-UBND và Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Bùi Ngọc H để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) trên địa bàn quận B.

Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc H (*lần đầu*).

Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc H (*lần hai*).

Yêu cầu UBND quận B điều chỉnh lại phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với ông Bùi Ngọc H theo đúng quy định của pháp luật. Ông H cho rằng 24m² đất của 02 kiot sử dụng mục đích để ở từ trước 15/10/1993 và 24,9m² đất tăng thêm phía sau 02 kiot không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất được sử dụng mục đích để ở, ổn định từ năm 1995. Do đó, ông phải được bồi thường 50% giá đất ở. Về công trình xây dựng trên đất, ông cũng đề nghị được hưởng mức bồi thường 50%. Gia đình ông H đề nghị được mua nhà tái định cư.

Người bị kiện Chủ tịch và UBND quận B trình bày: UBND quận B và Chủ tịch UBND quận B giữ nguyên các quyết định hành chính đã ban hành đối với ông Bùi Ngọc H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) trên địa bàn quận B.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày: Chủ tịch UBND thành phố H khẳng định nội dung Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc H (*lần hai*) là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường X trình bày: Thống nhất quan điểm với UBND quận B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Ngọc H2, anh Bùi Thế N, anh Bùi Trí C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 256/2021/HC-ST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Bộ luật Tổ tụng hành chính; Điều 66; Điều 69; Điều 75, Điều 82 Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày

06/01/2017 của Chính phủ; Điều 18, 21, 27, 28, 29, 36, 37, 38, 39 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. **Xử:**

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Bùi Ngọc H về việc yêu cầu hủy một phần 04 Quyết định gồm: Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất; Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định 3749; Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của lần hai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/12/2021, người khởi kiện là ông Bùi Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm (Tòa án nhận đơn ngày 16/12/2021).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Ngọc H trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình của người khởi kiện có nhiều khó khăn về kinh tế, nơi ở, ốm đau bệnh tật hiểm nghèo, nhà đất đang ở thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra gia đình ông Bùi Văn M1 là anh trai ông H ở ki ốt liền kề (số H) và là người chuyển nhượng đất ở H cho ông H cũng khởi kiện và được Tòa án chấp nhận cho mua một căn hộ tái định cư. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, và xem xét cho gia đình ông H được mua một căn hộ tái định cư để ổn định cuộc sống.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo nhận thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc H là có căn cứ. Tại quá trình xét xử phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp tài liệu mới làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Ngọc H. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, giữ

nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 256/2021/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Ngọc H không phải chịu án phí phúc thẩm do là người cao tuổi;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối tượng khởi kiện: Đơn khởi kiện của ông Bùi Ngọc H đề nghị Tòa án hủy 1 phần 04 quyết định hành chính gồm: Quyết định số 3688/QĐ-UBND và Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của lần hai. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cả 04 Quyết định nêu trên đều là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và là quyết định hành chính cá biệt theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Điều 30-Luật Tổ tụng hành chính là có căn cứ pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, ngày 03/1/2020, ông Bùi Ngọc H làm Đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1, khoản 2, Điều 3; Điều 30; khoản 4, Điều 32; khoản 1, khoản 2, Điều 115; điểm a, khoản 3, Điều 116-Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết yêu cầu hủy Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành phố H, của Chủ tịch và UBND quận B là trong thời hiệu khởi kiện và đúng thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Bùi Ngọc H được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật (được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm) nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ nhiều lần đối nhưng một số đương sự vắng mặt. Tuy nhiên các đương sự này đã có văn bản xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền cùng như văn bản ghi ý kiến trong quá trình xét xử. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Xét kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của ông Bùi Ngọc H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Xét Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất, thấy rằng:

Dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện dự án. Thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc UBND cấp huyện. Do đó, Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 được ban hành bởi UBND quận B là đúng thẩm quyền và có căn cứ theo quy định Điều 69 Luật đất đai 2013.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định, UBND quận B đã có Thông báo thu hồi đất đối với người sử dụng đất ông Bùi Ngọc H. UBND phường X xác nhận nguồn gốc đất. Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình Hội đồng BHHT và TĐC dự án thông qua và UBND phường X tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án. Trên cơ sở kết quả tổng hợp ý kiến và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ, UBND quận B ban hành Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 đúng trình tự thủ tục quy định tại các Điều 67, 69 Luật đất đai 2013.

Xét nội dung của Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 27/7/2018, Hội đồng xét xử xem xét đến nguồn gốc đất và quá trình sử dụng diện tích 48,9m² đất thu hồi của ông Bùi Ngọc H.

Về nguồn gốc đất: Diện tích 48,9m² đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 1 có diện tích 737m², tờ bản đồ số 42, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X (nay là phường X) không thể hiện công trình xây dựng trên đất; Sổ mục kê lập năm 1994 (lập theo bản đồ 1994) thể hiện chủ sử dụng đất: “Ki ốt”. Diện tích đất thu hồi đã có Kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Thông báo số 246/TB-UBND ngày 31/8/2011 và Kết luận số 09/KL-UBND ngày 29/6/2016 của UBND thành phố H và Kết luận số 386/KL-UBND ngày 27/11/2014 của quận B. Tuy nhiên tại các thời điểm nêu trên, UBND xã X trước đây và UBND phường X đã không xử lý dứt điểm theo đúng kết luận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên các hộ gia đình, cá nhân vẫn tiếp tục sử dụng.

Quá trình sử dụng đất: Gia đình ông Bùi Ngọc H sử dụng 48,9m² đất tại đường P, Tổ dân phố T, phường X không có tranh chấp, ổn định từ năm 1990 đến nay. Giấy tờ về quyền sử dụng đất ông H cung cấp gồm: Hợp đồng thuê kiot khu chợ mới số 24 CV/UB giữa UBND xã X với ông Bùi Ngọc H ngày 10/11/1990 diện tích kiot phía mặt đường cao tốc là 12m²; Biên bản thanh lý Hợp đồng thuê đất ngày 29/9/1990 giữa UBND xã X với ông Bùi Ngọc H; Giấy biên nhận ông Nguyễn Viết D đã thuê Ki ốt số 24 phía sau diện tích 12m² nhượng lại cho ông Bùi Ngọc H ngày 20/5/1991; Đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất thuê (sau khi đã thanh lý hợp đồng), diện tích 24m²; Đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất lưu không ngày 05/5/2000 đứng tên ông Bùi Ngọc H, đã xây dựng nhà cấp 4 diện

tích 32m² và được UBND xã X đồng ý để ông H tạm thời quản lý sử dụng tiếp diện tích đất theo nội dung đơn.

Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, nhận thấy ông Bùi Ngọc H có giấy tờ chứng minh sử dụng 02 kiot gồm 01 kitot của ông và 01 kiot nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Viết D với tổng diện tích 24m². UBND phường X chỉ xác nhận 12m² đất thu hồi thể hiện trên Biên bản thanh lý Hợp đồng thuê đất lập ngày 29/9/1990 giữa UBND xã X với ông Bùi Ngọc H đã bỏ sót chứng cứ liên quan đến chuyển nhượng kiot giữa ông H và ông Bùi Viết D1. Tuy nhiên, Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại ông H đã điều chỉnh Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất đối với ông Bùi Ngọc H theo hướng:

+ 24m² đất (*là diện tích đất của 02 kiốt*) có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND Phường X quản lý; Người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh trước 15/10/1993 đến nay.

+ 8m² đất (*thể hiện trên đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất lưu không*) có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND Phường X quản lý; Người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh sau 15/10/1993 đến nay.

+ 16,9 m² đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND Phường X quản lý, Người sử dụng đất đã tự sử dụng ra phần đất nằm giữa dãy kiot với tường rào do Công ty TNHH S xây và ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ sau ngày 01/7/2004 đến nay.

Như vậy, UBND quận B xác định nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất của ông H tại Quyết định số 607/QĐ-UBND phù hợp với giấy tờ chứng minh quá trình sử dụng đất của gia đình ông H có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 và điểm 3 khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó, ông H cho rằng 24m² đất của 02 kiot sử dụng mục đích để ở từ trước 15/10/1993 và 24,9m² đất tăng thêm phía sau 02 kiot không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất được sử dụng mục đích để ở, ổn định từ năm 1995 không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên nhận thấy: Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định Điều 69 Luật đất đai 2013. Về nội dung, Quyết định số 3688/QĐ-UBND đã bị điều chỉnh bởi Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Chủ tịch UBND quận B nhưng hiện nay UBND quận B chưa ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung thu hồi đất. Việc điều chỉnh về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng 48,9m² đất bị thu hồi của ông H theo Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Chủ tịch UBND quận B là đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 và điểm 3 khoản 1 Điều 2 Nghị

định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đề nghị hủy một phần Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND quận B về việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Xét Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định 3749, thấy rằng:

Ngày 27/7/2018, UBND quận B ban hành Quyết định số 3688/QĐ-UBND và Quyết định số 3749/QĐ-UBND của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Bùi Ngọc H theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại các Điều 62, 66, 67, 69 Luật đất đai năm 2013.

Xét nội dung Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018, Hội đồng xét xử xem xét phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Bùi Ngọc H thấy rằng:

Bồi thường, hỗ trợ về đất: Do diện tích đất thu hồi tại dự án không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 nên không được tính hỗ trợ đất theo giá đất cụ thể của dự án đã được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016.

UBND quận B tính hỗ trợ 24,0m² đất sử dụng trước 15/10/1993 bằng 30% giá đất sản xuất kinh doanh, 8,0m² đất sử dụng sau 15/10/1993 bằng 20% giá đất sản xuất kinh doanh vị trí 1 đường Phạm Văn Đồng quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố H. Đối với diện tích 16,9 m² đất đã tự sử dụng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 không được bồi thường về đất có căn cứ theo quy định khoản 4 Điều 82 Luật đất đai 2013.

Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất: Do công trình xây dựng của ông Bùi Ngọc H được tạo lập trên diện tích đất đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật đất đai nên diện tích các công trình xây dựng gắn liền với đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất đã được UBND quận B phê duyệt hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng công trình mới theo cùng chủng loại., áp dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H để tính hỗ trợ bằng 10% đơn giá xây dựng công trình là đúng.

Về tái định cư: Diện tích đất ông Bùi Ngọc H đang sử dụng bị thu hồi là đất UBND phường quản lý không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Do đó, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017

của UBND thành phố H thì ông Bùi Ngọc H không được bồi thường căn hộ chung cư để tái định cư.

Tại khoản 4 mục II Thông báo số 406/TB-VP ngày 28/12/2018, UBND thành phố H đã chấp thuận: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở, diện tích đất thu hồi được hỗ trợ về đất theo giá đất ở theo chính sách đã được UBND thành phố H chấp thuận tại Thông báo số 304/TB-UBND ngày 22/08/2016, nếu không có chỗ ở nào khác trên địa bàn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và có nhu cầu mua nhà tái định cư thì được xem xét bán nhà tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H. Tuy nhiên theo Giấy xác nhận ngày 20/10/2016 của Công an phường X đối với ông Bùi Ngọc H cho thấy: Tại địa chỉ thu hồi đất ông Bùi Ngọc H và gia đình không trực tiếp sinh sống. Ông H có cung cấp cho Tòa án 02 quyển sổ hộ khẩu của gia đình tại địa chỉ Tập thể Cục Q1, X, T, Hà Nội không phải địa chỉ bị thu hồi đất. Do vậy, ông Bùi Ngọc H và gia đình không đủ điều kiện được xem xét mua nhà tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

Hỗ trợ ổn định đời sống: Ông Bùi Ngọc H và gia đình không trực tiếp sinh sống trên diện tích đất bị thu hồi nên không đủ điều kiện xét hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

Hỗ trợ gia đình chính sách, người có công: Ông Bùi Ngọc H là thương binh hạng 4. Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018, UBND quận B đã phê duyệt hỗ trợ gia đình chính sách, người có công đối với ông Bùi Ngọc H theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H. Tuy nhiên, Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại ông H đã điều chỉnh Quyết định số 3749/QĐ-UBND về hỗ trợ gia đình chính sách, người có công theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H. Sự điều chỉnh trên có căn cứ phù hợp với thực tế của ông H.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định 3749 được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định Điều 69 Luật đất đai 2013. Về nội dung, Quyết định số 3749/QĐ-UBND đã bị điều chỉnh bởi Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Chủ tịch UBND quận B nhưng hiện nay UBND quận B chưa ban hành Quyết định điều chỉnh phương án bồi thường. Nội dung điều chỉnh đúng với

quy định tại khoản 1 Điều 75 và khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đề nghị hủy một phần 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định 3749 được ban hành là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Xét Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Ngọc H, thấy rằng:

Xét về thẩm quyền: Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Xét về trình tự ban hành: sau khi nhận đơn khiếu nại của ông Bùi Ngọc H, người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Chánh thanh tra quận B có Báo cáo về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Bùi Ngọc H. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch UBND quận B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 27, 28, 29 Luật khiếu nại năm 2011.

Về hình thức: Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Xét căn cứ ban hành quyết định, Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 607/QĐ-UBND có 02 nội dung gồm: Điều chỉnh Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất; Điều chỉnh Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B về việc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Bùi Ngọc H. Như trên đã phân tích, nội dung điều chỉnh đối với Quyết định số 3688/QĐ-UBND và Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND quận B đúng quy định của Luật đất đai 2013.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Ngọc H được ban hành đúng thẩm quyền, đúng về hình thức văn bản, trình tự, thủ tục và nội dung là có căn cứ pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H hủy một phần Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần 1 là có căn cứ pháp luật.

[2.4] Xét Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai, thấy rằng:

Xét về thẩm quyền: Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H được ký và ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 Luật khiếu nại.

Xét về trình tự ban hành: sau khi nhận đơn khiếu nại của ông Bùi Ngọc H, Chủ tịch UBND thành phố H đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại lần 2. Căn cứ vào kết quả xác minh, đối thoại, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 36, 37, 38, 39 Luật khiếu nại năm 2011.

Về hình thức: Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

Xét căn cứ ban hành quyết định, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H: “Đồng ý và giữ nguyên Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Chủ tịch UBND quận B”. Như trên đã phân tích, Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Chủ tịch UBND quận B giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định của pháp luật nên nội dung Quyết định số 4309/QĐ-UBND đúng theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Bùi Ngọc H được ban hành đúng về hình thức văn bản, trình tự, thủ tục và nội dung có căn cứ theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc H đề nghị hủy Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H là có căn cứ pháp luật.

[3] Căn cứ nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo nhận thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc H là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Tại quá trình xét xử phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp tài liệu mới có thể làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Ngọc H. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 256/2021/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Bùi Ngọc H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ cứ khoản 1 Điều 241-Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ, khoản 1, Điều 12-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Bùi Ngọc H.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 256/2021/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
3. Về án phí: Ông Bùi Ngọc H không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.
4. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ong Thân T